

LUẬT TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI VIỆT NAM 2010

NHỮNG ĐIỂM ĐỔI MỚI QUAN TRỌNG SO VỚI PHÁP LỆNH TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI 2003

LỜI GIỚI THIỆU	2
I. TỔNG QUAN VỀ PHÁP LUẬT TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI CỦA VIỆT NAM	3
1. Sơ lược quá trình hình thành và phát triển của hoạt động Trọng tài Thương mại ở Việt Nam	3
2. Đánh giá chung về Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003	3
(a) Những thành tựu	3
(b) Một số điểm hạn chế	4
3. Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010 – Bước ngoặt quan trọng của quá trình hoàn thiện pháp luật về Trọng tài Thương mại ở Việt Nam	7
II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI 2010 – SO SÁNH VỚI PHÁP LỆNH TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI NĂM 2003	8
1. Giới thiệu chung	8
2. Các vấn đề pháp lý cơ bản	8
2.1 Thẩm quyền của Trọng tài	8
2.2 Thỏa thuận Trọng tài	10
2.3 Hình thức Trọng tài	12
2.4 Trình tự, thủ tục tố tụng Trọng tài	12
3. Mối quan hệ giữa Tòa án và Trọng tài	20
3.1 Nguyên tắc xác định thẩm quyền của Tòa án đối với hoạt động Trọng tài	20
3.2 Tòa án từ chối thụ lý trong trường hợp có Thỏa Thuận Trọng Tài	21
3.3 Vai trò của Tòa án trong việc đăng ký phán quyết Trọng tài vụ việc	21
3.4 Thu thập chứng cứ, triệu tập nhân chứng	22
3.5 Vai trò của Tòa án liên quan đến việc hủy phán quyết Trọng tài	22
4. Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	22
KẾT LUẬN	24



LỜI GIỚI THIỆU

Trọng tài là một phương thức giải quyết tranh chấp xuất hiện từ khá sớm trong lịch sử phát triển của các hoạt động thương mại quốc tế. Phương thức này đã được thừa nhận và sử dụng phổ biến ở các quốc gia phương Tây từ hàng trăm năm nay. Đặc biệt, sự ra đời của nhiều tổ chức Trọng tài thương mại quốc tế uy tín trên thế giới như Tòa án Trọng tài quốc tế ở Luân Đôn (1892), Viện Trọng tài Stockholm – Thụy Điển (1917), Tòa án Trọng tài quốc tế của Phòng Thương mại quốc tế (1923), Hiệp hội Trọng tài Hoa Kỳ (1926)... cùng với sự ban hành các đạo luật riêng biệt điều chỉnh hoạt động Trọng tài thương mại ở các quốc gia phát triển đã tạo ra một bước phát triển đột phá đối với phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài trên toàn cầu.

Tuy nhiên, hoạt động Trọng tài thương mại ở Việt Nam trong hơn một thế kỷ qua vẫn còn đang trong giai đoạn định hình mà chưa bước vào kỷ nguyên phát triển thật sự hòa nhập cùng xu thế chung. Những nỗ lực không thể phủ nhận của Chính phủ Việt Nam trong suốt thời gian qua như cho phép và khuyến khích thành lập các trung tâm Trọng tài kinh tế và quốc tế, giải tán hệ thống Cơ quan Trọng tài kinh tế Nhà nước và ban hành các văn bản pháp quy điều chỉnh hoạt động Trọng tài (Nghị định 116/CP ngày 05/9/1994; Pháp Lệnh Trọng tài Thương mại năm 2003)... mới chỉ là những cố gắng bước đầu trong toàn bộ quá trình phát triển của Trọng tài thương mại Việt Nam.

Trước những yêu cầu và đòi hỏi bức thiết của tiến trình hội nhập và toàn cầu hóa nền kinh tế cũng như trước nhu cầu khách quan của việc hoàn thiện hệ thống giải quyết tranh chấp. Sự ra đời của Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010 ở Việt Nam là một bước đi tất yếu mang tính quy luật. Rõ ràng là với một đạo luật mới và riêng biệt được áp dụng để điều chỉnh cho hoạt động Trọng tài như thế, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư, các Trọng tài viên cũng như các chủ thể khác có liên quan đều có sở để hy vọng rằng một tương lai sáng sủa hơn đối với hoạt động Trọng tài thương mại ở Việt Nam với độ minh bạch được nâng cao và sự công nhận của thế giới.

Trong khuôn khổ của bài viết này, DC LAW mong muốn giới thiệu đến người đọc một cách khái quát nhưng không kém phần chi tiết về hệ thống pháp luật Trọng tài thương mại ở Việt Nam, đặc biệt là những nội dung cơ bản và những điểm đổi mới quan trọng của Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010 so với các quy định trước đây, mà chủ yếu là Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003. Bài viết được xây dựng chủ yếu dựa trên nền tảng của sự so sánh các chế định pháp lý cơ bản về hoạt động Trọng tài thương mại được ghi nhận trong hai văn bản pháp luật như vấn đề xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Trọng tài, Thỏa Thuận Trọng Tài, các trình tự, thủ tục của Tố tụng Trọng tài, mối quan hệ giữa Tòa án và Trọng tài...

I. TỔNG QUAN VỀ PHÁP LUẬT TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI CỦA VIỆT NAM

1. Sơ lược quá trình hình thành và phát triển của hoạt động Trọng tài Thương mại ở Việt Nam

Vào cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, ở Việt Nam đã có các tòa án thương mại và các quy tắc Trọng tài trong luật tố tụng dân sự¹. Tuy nhiên, do nhiều lý do và hoàn cảnh khác nhau, Trọng tài vẫn chưa thực sự được biết đến và sử dụng một cách phổ biến.

Sau đó, vào năm 1963 và 1964, Hội Đồng Trọng Tài Ngoại Thương và Hội Đồng Trọng Tài Hàng Hải đã được thành lập ở miền Bắc Việt Nam. Vào những năm 70, một hệ thống các Cơ quan Trọng tài kinh tế Nhà nước từ huyện, tỉnh đến Trung ương đã được thành lập để giải quyết tranh chấp giữa các xí nghiệp quốc doanh, các hợp tác xã. Tuy nhiên, vào thời điểm đó, các Trọng tài kinh tế thực chất là những cơ quan hành chính Nhà nước có chức năng giải quyết tranh chấp giữa các xí nghiệp Nhà nước mà chưa thực hiện được vai trò các Trung tâm Trọng tài như tên gọi của chúng. Trong khi đó, Tòa Án Nhân Dân không có thẩm quyền giải quyết các loại tranh chấp này mà chỉ có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp dân sự về các vấn đề hôn nhân và gia đình hoặc tranh chấp liên quan đến hàng hóa có mục đích để sử dụng cá nhân và tiêu dùng.

Ngày 28 tháng 4 năm 1993, Chính Phủ ban hành Quyết định 204/TTg cho phép thành lập Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam (“VIAC”) trên cơ sở hợp nhất Hội Đồng Trọng Tài Ngoại Thương và Hội Đồng Trọng Tài Hàng Hải. Sau đó, với sự ra đời của Nghị định 116/CP ngày 05/9/1994 của Chính Phủ,

¹ Ví dụ, Bản án của Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn ngày 08/7/1897 liên quan đến việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa Dương Thị Lành và Võ Văn Thụ đã thể hiện rõ: “Trọng tài được công nhận trong pháp luật An Nam”. Xem TS. Đỗ Văn Đại, “Làm thế nào để Trọng Tài Việt Nam là chỗ dựa cho doanh nghiệp?”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 2/2008.

Xem thêm: Hội Luật gia Việt Nam, *Tờ trình về Dự án Luật Trọng Tài Thương Mại* ngày 02/5/2009.

hoạt động Trọng tài ở Việt Nam đã thực sự bước sang một trang mới, một loạt các trung tâm Trọng tài kinh tế được thành lập như Trung Tâm Trọng Tài Kinh Tế Sài Gòn (nay là Trung Tâm Trọng Tài Thương Mại TP.HCM), Trung Tâm Trọng Tài Kinh Tế Hà Nội (nay là Trung Tâm Trọng Tài Thương Mại Hà Nội), Trung Tâm Trọng Tài Kinh Tế Cần Thơ (nay là Trung Tâm Trọng Tài Thương Mại Cần Thơ)...

Trong năm 1998, hệ thống Trọng tài kinh tế đã giải thể. Việc giải quyết các tranh chấp kinh tế từ đó đã được thực hiện chủ yếu bằng hai con đường: Tòa Kinh Tế thuộc hệ thống Tòa Án Nhân Dân và các Cơ quan Trọng tài Kinh Tế Nhà nước và các Tổ chức Trọng tài quốc tế. Để bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động của các trung tâm Trọng tài thương mại để thay thế cho hoạt động của Các cơ quan Trọng tài kinh tế Nhà nước, đồng thời cũng nhằm hoàn thiện một bước hệ thống pháp luật về Trọng tài ở Việt Nam, ngày 25/02/2003, Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội đã ban hành Pháp lệnh Trọng tài Thương mại, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2003 (“PLTTTM”).

Trong điều kiện Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu và rộng hơn vào nền kinh tế thế giới, những khuôn khổ pháp lý trước đây về Trọng tài thương mại ngày càng tỏ ra lạc hậu, bất cập. Vì vậy, sự ra đời của Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010 đã được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 17/06/2010 (“LTTM”) là một kết quả tất yếu của quá trình phát triển hệ thống pháp luật Trọng tài thương mại ở Việt Nam.

2. Đánh giá chung về Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003

(a) Những thành tựu

Thực tiễn thi hành PLTTTM hơn 6 năm qua cho thấy những thành công quan trọng, cụ thể:

Phù hợp với thực tiễn của nhiều nước trên thế giới, PLTTTM thừa nhận hai hình thức Trọng tài gồm Trọng tài quy chế và Trọng tài vụ việc². Sự thừa nhận hai hình thức Trọng tài là điểm đổi mới đáng kể trong nội dung của PLTTTM.

² Điều 4 – Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.

Đây là lần đầu tiên hình thức Trọng tài vụ việc được thừa nhận chính thức trong PLTTTM. Quy định đó đã tạo điều kiện cho các bên tranh chấp toàn quyền tự do lựa chọn cho mình hình thức Trọng tài phù hợp nhất để giải quyết tranh chấp.

PLTTTM xác định phạm vi thẩm quyền theo cách liệt kê các loại tranh chấp mà Trọng tài được phép giải quyết³. Theo đó, Trọng tài có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại, hiểu theo nghĩa rộng, theo đúng tinh thần của Luật Mẫu về Trọng Tài Thương Mại Quốc Tế của Ủy Ban Pháp Luật Thương Mại Quốc Tế Liên Hợp Quốc ("*Luật Mẫu UNCITRAL*"). Việc đưa ra định nghĩa khái niệm thương mại là bước đột phá lớn thể hiện tính tiên phong trong công tác lập pháp vào thời điểm đó.

PLTTTM đưa ra cơ chế xác định về hiệu lực pháp lý của Thỏa Thuận Trọng Tài phù hợp hơn⁴ và làm cơ sở cho việc phân định thẩm quyền giữa Trọng tài và Tòa án. Theo đó, Trọng tài chỉ có thẩm quyền giải quyết tranh chấp khi các bên có Thỏa Thuận Trọng Tài, đồng thời tòa án phải từ chối giải quyết vụ tranh chấp khi các bên đã có Thỏa Thuận Trọng Tài, trừ trường hợp Thỏa Thuận Trọng Tài vô hiệu. Ngoài ra, PLTTTM đã giải quyết được vấn đề Thỏa Thuận Trọng Tài vô hiệu làm căn cứ để các bên có thể khởi kiện ra tòa án ngay sau khi tranh chấp phát sinh. Quy định này đảm bảo mọi tranh chấp thương mại phát sinh đều được giải quyết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tranh chấp.

PLTTTM đã xác định rõ hai nguyên tắc quan trọng nhất của tố tụng Trọng tài đó là nguyên tắc tôn trọng sự tự định đoạt và bình đẳng của các bên tranh chấp. Trong quá trình tố tụng Trọng tài, các bên được tự do lựa chọn hình thức Trọng tài, tự do thỏa thuận về cách thức chỉ định Trọng tài viên, thay đổi Trọng tài viên, địa điểm Trọng tài, ngôn ngữ Trọng tài, luật áp dụng để giải quyết vụ tranh chấp... Bên cạnh đó là các nguyên tắc bắt buộc mà Trọng tài viên phải tuân thủ trong quá trình giải

quyết tranh chấp như nguyên tắc giữ bí mật thông tin về tranh chấp và cách giải quyết tranh chấp... Đây là những nguyên tắc phổ biến đã được Luật Mẫu UNCITRAL xác định và được sự thừa nhận chung trong hoạt động của Trọng tài trên thế giới.

PLTTTM đã tăng cường sự hỗ trợ của các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước đối với hoạt động Trọng tài. Theo đó, mối quan hệ và sự can thiệp của Tòa án đối với hoạt động Trọng tài đã được ghi nhận cụ thể thông qua một loạt các quy định từ việc xác định hiệu lực pháp lý của Thỏa Thuận Trọng Tài, chỉ định Trọng tài viên, giải quyết khiếu nại về thẩm quyền của Hội Đồng Trọng Tài, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, giải quyết yêu cầu hủy quyết định Trọng tài và lưu trữ hồ sơ Trọng tài. Đây là vấn đề quan trọng được cộng đồng doanh nghiệp quan tâm và mong đợi nhất. Với việc ban hành một loạt các quy định trong đó xác lập vai trò của tòa án đối với Trọng tài, PLTTTM đã lấp đầy "khoảng trống" của hệ thống pháp luật Trọng tài trước đây. Điều này đã góp phần làm tăng tính hấp dẫn và hiệu quả của Trọng tài, đồng thời góp phần thúc đẩy Trọng tài phát triển.

PLTTTM đã xác lập được giá trị pháp lý của phán quyết Trọng tài, hiệu lực của phán quyết Trọng tài. Hiện nay, các phán quyết Trọng tài có giá trị pháp lý và được thi hành như các bản án của Tòa án, tạo được niềm tin cho doanh nghiệp. Điều này đã hoàn toàn khắc phục được tình trạng trước đây, đó là phán quyết Trọng tài được tuyên nhưng không có bất kỳ cơ chế thi hành nào. Điều này khiến doanh nghiệp mất lòng tin khi lựa chọn Trọng tài để giải quyết tranh chấp.

(b) Một số điểm hạn chế

Bên cạnh những mặt thuận lợi nêu trên, PLTTTM đã bộc lộ không ít những hạn chế và bất cập, cụ thể như sau:

PLTTTM là văn bản pháp luật đầu tiên của luật pháp Việt Nam đưa ra một khái niệm tương đối đầy đủ về Trọng tài thương mại, theo đó thuật ngữ "thương mại" được giải thích theo phạm vi

³ Điều 2.3 – Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.

⁴ Điều 10 – Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.

giới hạn của 14 hành vi thương mại theo Luật thương mại năm 1997⁵.

Tuy nhiên, trong quá trình thi hành PLTTTM, đã có nhiều cách hiểu khác nhau về thuật ngữ “thương mại” trong PLTTTM. Điều này dẫn đến tranh cãi trong việc xác định phạm vi giải quyết tranh chấp của Trọng tài. Vấn đề gây tranh cãi đó là những tranh chấp nội bộ phát sinh trong nội bộ doanh nghiệp và các tranh chấp liên quan đến việc mua bán cổ phiếu, trái phiếu có được giải quyết bằng Trọng tài không? Có quan điểm cho rằng các tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Trọng tài; tuy nhiên, cũng có quan điểm cho rằng chỉ có Tòa án mới có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp này. Do có cách hiểu và áp dụng thuật ngữ khác nhau khiến cho việc đưa tranh chấp ra Trọng tài không được chắc chắn và có nhiều bất an vì các quyết định Trọng tài có nguy cơ không được tòa án công nhận và cho thi hành.

Theo PLTTTM chỉ có các chủ thể là “tổ chức, cá nhân kinh doanh” mới có quyền được lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài⁶. Về thuật ngữ “cá nhân kinh doanh”, do PLTTTM và các văn bản hướng dẫn thi hành PLTTTM không giải thích thế nào là “cá nhân kinh doanh” nên đã có nhiều cách hiểu khác nhau về thuật ngữ này. Có quan điểm cho rằng, bất kỳ một cá nhân nào bỏ vốn ra để đầu tư, kinh doanh không phân biệt phạm vi và quy mô kinh doanh đều được gọi là cá nhân kinh doanh. Tuy nhiên, quan điểm khác lại cho rằng để được gọi là “cá nhân kinh doanh” thì cá nhân đó phải có đăng ký kinh doanh ở Việt Nam. Về thuật ngữ “tổ chức kinh doanh”, trong thực tế, có rất nhiều tổ chức không phải là tổ chức kinh doanh như các ban quản lý dự án, cơ quan hành chính sự nghiệp tham gia đấu thầu hoặc giao kết các hợp đồng, kể cả các hợp đồng mua sắm chính phủ, trong đó sử dụng Trọng tài theo khuyến nghị của các nhà tài trợ và định chế tài chính quốc tế như Ngân Hàng Thế Giới, Ngân Hàng Phát Triển Châu Á... và trên thế giới, các chủ thể này hoàn toàn có quyền lựa chọn Trọng tài để giải quyết

tranh chấp, tuy nhiên tại Việt Nam lại không được phép lựa chọn Trọng tài vì không phải là tổ chức, cá nhân kinh doanh. Thêm vào đó, Luật Đầu Tư năm 2005 đã xác định Trọng tài có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp mà một bên chủ thể là cơ quan quản lý Nhà nước⁷. Do vậy, các quy định của PLTTTM trở nên không còn phù hợp với tình hình mới.

PLTTTM chưa làm rõ được vấn đề tranh chấp phát sinh từ “quan hệ ngoài hợp đồng” có được giải quyết bằng Trọng tài hay không. Vấn đề này có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định thẩm quyền của Trọng tài cũng như việc công nhận và cho thi hành quyết định Trọng tài. Theo PLTTTM, “*Thỏa Thuận Trọng Tài là thỏa thuận giữa các bên cam kết giải quyết bằng Trọng tài các vụ tranh chấp có thể phát sinh hoặc đã phát sinh trong hoạt động thương mại*”⁸. Trên thực tế, quan hệ thương mại rất đa dạng và phong phú. Nhiều quan hệ có thể xác định bằng hợp đồng cụ thể được ký kết giữa các bên nhưng cũng có nhiều tranh chấp không phát sinh từ quan hệ hợp đồng. Ví dụ: tàu đâm va cầu cảng, tàu đâm va nhau... Tuy nhiên, PLTTTM lại không có quy định về các trường hợp này.

PLTTTM quy định “*Thỏa Thuận Trọng Tài phải được lập bằng văn bản. Thỏa Thuận Trọng Tài thông qua thư, điện báo, telex, fax, thư điện tử hoặc hình thức văn bản khác thể hiện rõ ý chí của các bên giải quyết vụ tranh chấp bằng Trọng tài được coi là Thỏa Thuận Trọng Tài bằng văn bản*”⁹. Quy định này đã xác định được tiêu chí hình thức bắt buộc đó là Thỏa Thuận Trọng Tài phải được lập bằng văn bản. Tuy nhiên, nội hàm của khái niệm “văn bản” vẫn còn hẹp so với Luật Mẫu UNCITRAL và luật Trọng tài các nước.

Bên cạnh đó, PLTTTM cũng quy định, Thỏa Thuận Trọng Tài vô hiệu trong trường hợp: tranh chấp phát sinh không thuộc hoạt động thương mại, người ký Thỏa Thuận Trọng Tài không có thẩm quyền, một bên ký Thỏa Thuận Trọng Tài không có năng lực hành vi dân sự, Thỏa Thuận Trọng Tài không quy định hoặc

⁵ Điều 2.3 – Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.

Điều 45 – Luật Thương mại Việt Nam năm 1997.

⁶ Điều 2.3 - Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.

⁷ Điều 12 – Luật Đầu Tư 2005.

⁸ Điều 2.2 – Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.

⁹ Điều 9.1 – Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.

quy định không rõ đối tượng tranh chấp, tổ chức Trọng tài có thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp mà sau đó các bên không có thỏa thuận bổ sung, Thỏa Thuận Trọng Tài không được lập theo hình thức quy định của PLTTTM, một bên của Thỏa Thuận Trọng Tài bị lừa dối, đe dọa và có yêu cầu tuyên bố Thỏa Thuận Trọng Tài vô hiệu.

Điểm hạn chế trong thực tiễn áp dụng PLTTTM là bên thua kiện dễ lợi dụng tình huống Thỏa Thuận Trọng Tài không quy định hoặc quy định không rõ đối tượng tranh chấp, tổ chức Trọng tài có thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp mà sau đó các bên không có thỏa thuận bổ sung để yêu cầu Tòa án tuyên bố Thỏa Thuận Trọng Tài vô hiệu hoặc bác bỏ thẩm quyền của trung tâm Trọng tài giải quyết tranh chấp. Mặc dù ý chí các bên là lựa chọn Trọng tài để giải quyết tranh chấp, tuy nhiên do sơ suất mà điều khoản Trọng tài không ghi rõ trung tâm Trọng tài để giải quyết tranh chấp, và lẽ đương nhiên bên thua kiện sẽ không hợp tác để thỏa thuận bổ sung một điều khoản Thỏa Thuận Trọng Tài chính xác, điều đó dễ dẫn đến quyết định của Trọng tài dễ dàng bị hủy bỏ trong trường hợp này.

Một trong những nguyên nhân khiến cho số lượng quyết định Trọng tài bị yêu cầu hủy gia tăng đó là cơ chế hủy quyết định Trọng tài quá đơn giản. PLTTTM quy định *“trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định Trọng tài, nếu có bên không đồng ý với quyết định Trọng tài thì có quyền làm đơn gửi Tòa án cấp tỉnh nơi Hội Đồng Trọng Tài ra quyết định Trọng tài, để yêu cầu hủy quyết định Trọng tài”*¹⁰. Thông thường, quyết định Trọng tài khó có thể làm hài lòng được cả hai bên. Trong khi đó, theo PLTTTM, chỉ cần điều kiện “không đồng ý với quyết định Trọng tài” thì có quyền làm đơn yêu cầu hủy. Điều này vô hình chung đã khuyến khích các bên làm đơn yêu cầu hủy quyết định Trọng tài với nhiều mục đích khác nhau đặc biệt là để kéo dài thời hạn thi hành quyết định Trọng tài, để kịp thời tẩu tán tài sản. Một khi đưa đơn yêu cầu hủy ra tòa án, thủ tục giải quyết đơn yêu cầu hủy tại tòa án phải qua 2 cấp sơ thẩm và phúc thẩm, thời gian giải quyết tại tòa án cũng không xác định là bao lâu.

Như vậy, nếu như các bên mong muốn được giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài do Trọng tài có ưu điểm nhanh chóng, đơn giản thì thực tế các quy định của PLTTTM lại không được như các bên mong đợi. Vấn đề này cần sớm được khắc phục để tránh sự lạm dụng một cách có chủ ý của các bên, nhất là bên thua kiện tại Trọng tài. Nếu không sớm giải quyết, các quyết định Trọng tài sẽ có nguy cơ trở thành các “bản án sơ thẩm”.

PLTTTM đã có quy định về thời hiệu khởi kiện vụ tranh chấp giải quyết bằng Trọng tài là hai năm, kể từ ngày xảy ra tranh chấp¹¹. Tuy nhiên, trong trường hợp tranh chấp phát sinh, một bên đã khởi kiện ra Trọng tài trong thời hạn quy định và việc giải quyết tranh chấp tại Trọng tài đã được kết thúc bằng một quyết định của Hội Đồng Trọng Tài. Nhưng sau đó, nếu quyết định Trọng tài lại bị Tòa án tuyên hủy, thì thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp sẽ được xác định như thế nào? Thời gian giải quyết tranh chấp tại Trọng tài có được trừ ra khi xác định thời hiệu khởi kiện hay không? Vấn đề này cần được quy định rõ.

Một số quy định của PLTTTM còn quá chung chung. Ví dụ: Cho phép thời hạn nộp bản tự bảo vệ của Bị đơn quá dài. Theo đó, Bị đơn có thể nộp bản tự bảo vệ vào bất kỳ thời điểm nào, miễn là trước ngày Hội Đồng Trọng Tài mở phiên họp giải quyết vụ tranh chấp. Điều này rất dễ bị bên thiếu thiện chí lạm dụng để kéo dài quá trình tố tụng Trọng tài. Với quy định này, Bị đơn có thể nộp bản tự bảo vệ tại phiên xét xử, khi đó phiên họp sẽ phải hoãn để Hội Đồng Trọng Tài đọc bản tự bảo vệ và để Nguyên đơn có cơ hội được trình bày quan điểm về bản tự bảo vệ của Bị đơn.

Tương tự là các vấn đề hoãn phiên họp giải quyết vụ tranh chấp, theo đó nếu có lý do chính đáng, các bên có thể yêu cầu Hội Đồng Trọng Tài hoãn phiên họp giải quyết vụ tranh chấp. Tuy nhiên, PLTTTM cũng không quy định rõ thế nào là những lý do chính đáng và thời hạn phải đưa ra yêu cầu hoãn là bao lâu trước ngày Hội Đồng Trọng Tài mở phiên họp giải quyết vụ tranh chấp. Nếu không, sẽ có nguy cơ một bên có thể xin hoãn vào bất kỳ thời điểm nào và phiên họp giải quyết vụ

¹⁰ Điều 50 – Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.

¹¹ Điều 21 – Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.

tranh chấp sẽ bị hoãn nhiều lần theo yêu cầu của một bên. Trên thực tế, Hội Đồng Trọng Tài có thể có các Trọng tài viên thuộc nhiều quốc tịch khác nhau. Nếu phiên xét xử phải hoãn nhiều lần sẽ phát sinh nhiều chi phí và kéo dài thời gian. Vì vậy, PLTTTM nên dành quyền cho các trung tâm Trọng tài được chủ động trong việc định ra các khoảng thời gian trong tố tụng Trọng tài. Trong điều kiện có nhiều trung tâm Trọng tài, mỗi trung tâm cần có quy tắc tố tụng mang tính hấp dẫn, đáp ứng tối đa nhu cầu của các bên tranh chấp.

Theo thống kê của VIAC, trong khi Tòa Án Nhân Dân TP. Hà Nội trong năm 2007 đã xử gần 9.000 vụ án trong đó có khoảng 300 vụ tranh chấp kinh tế và Tòa Án Nhân Dân TP.HCM xử gần 42.000 vụ án, trong đó có 1.000 vụ tranh chấp kinh tế thì VIAC với tư cách là tổ chức Trọng tài lớn nhất Việt Nam cũng chỉ tiếp nhận 30 vụ tranh chấp trong năm 2007 và 58 vụ trong năm 2008; trong khi mỗi thẩm phán ở Tòa Kinh Tế TP.Hà Nội phải xử trên 30 vụ một năm, ở Tòa Kinh Tế TP.HCM xử 50 vụ một năm thì mỗi Trọng tài viên của VIAC chỉ xử 0,25 vụ một năm!¹²

Như vậy, những số liệu nêu trên cho thấy phương thức trọng tài ít được các doanh nghiệp sử dụng để giải quyết các tranh chấp ở Việt Nam bất chấp những nỗ lực rất lớn từ Chính Phủ và các Trung tâm, tổ chức Trọng tài. Ngoài những nguyên nhân liên quan đến yếu tố thói quen và tâm lý của doanh nghiệp trong quá trình giải quyết tranh chấp thương mại, điều này là do chưa có những cơ sở pháp lý cần thiết cho việc thực hiện một chính sách nhất quán khuyến khích sử dụng Trọng tài; trong các quy định của pháp luật hiện hành còn có nhiều rủi ro cho việc hủy phán quyết Trọng tài và tạo tâm lý e ngại về hiệu lực của phán quyết Trọng tài. Những yếu tố đó đã làm cho độ tin cậy của các bên tranh chấp vào Trọng tài chưa chắc chắn, chưa cao.

Vì những hạn chế và bất cập đó mà cần thiết phải ban hành một đạo luật mới về Trọng tài thương mại để thay thế PLTTTM trên cơ sở khắc phục những hạn chế, kế thừa những chế định tiến bộ, phù hợp của PLTTTM kết hợp với

những quy định mới hoàn thiện và hiệu quả hơn.

3. Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010 – Bước ngoặt quan trọng của quá trình hoàn thiện pháp luật về Trọng tài Thương mại ở Việt Nam

Như đã đề cập ở trên, mặc dù hoạt động Trọng tài trên thực tế đã xuất hiện và được thừa nhận ở Việt Nam từ hơn một thế kỷ nay, nhưng vai trò thật sự của Trọng tài vẫn chưa thể hiện đúng mức.

Rõ ràng là những cố gắng của Chính Phủ Việt Nam trong thời gian qua nhằm hoàn thiện và chuẩn hóa hành lang pháp lý cho hoạt động Trọng tài thương mại đã chưa thể mang lại những kết quả như mong muốn. Sự ra đời của Nghị định 116/CP năm 1994 và PLTTTM đã là những bước tiến đáng kể của quá trình này. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan, các văn bản pháp luật này vẫn chưa thật sự phát huy hết tác dụng, đặc biệt là trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam và thế giới đang trong quá trình phát triển với tốc độ ngày một gia tăng. Hơn nữa, các văn bản này đều là những văn bản pháp luật có giá trị pháp lý không cao và thiếu ổn định, điều đó cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý của các doanh nghiệp trong việc tìm kiếm một phương thức giải quyết tranh chấp tốt nhất cho mình. Việc Việt Nam chưa xây dựng được một đạo luật riêng biệt điều chỉnh hoạt động Trọng tài là một thiệt thòi lớn không chỉ cho hoạt động Trọng tài thương mại nói riêng mà còn cho cả hệ thống pháp luật thương mại nói chung.

Nhận thức một cách sâu sắc những yêu cầu và đòi hỏi ngày càng cấp bách của thực tiễn, từ năm 2008, Việt Nam đã chính thức khởi động tiến trình nghiên cứu xây dựng LTTTM để thay thế cho PLTTTM đang ngày càng tỏ ra yếu kém và lạc hậu. Kết quả của tiến trình này là sự ra đời của LTTTM. Có thể nói LTTTM đã mở ra một trang mới cho quá trình phát triển của pháp luật Trọng tài thương mại Việt Nam vì những lý do sau đây:

✚ Lần đầu tiên ở Việt Nam, hoạt động Trọng tài được điều chỉnh bởi một đạo luật riêng biệt, điều mà nhiều quốc gia khác trên thế giới đã làm từ rất lâu trước đây.

¹² Hội Luật gia Việt Nam, “Báo Cáo Đánh Giá Tác Động Dự Kiến của Luật Trọng Tài”, ngày 30/4/2009.

- ✚ Luật Trọng Tài đã tiếp tục hoàn thiện và củng cố nền móng pháp lý vững chắc cho hoạt động Trọng tài thương mại ở Việt Nam thông qua việc kế thừa những thành tựu của PLTTTM cũng như tiếp thu một cách chọn lọc các quy định phù hợp và tiến bộ của pháp luật Trọng tài các nước và thế giới.
- ✚ LTTTM đã phân nào khắc phục được những điểm bất cập, hạn chế của PLTTTM, đảm bảo bám sát những nhu cầu và đòi hỏi bức thiết của thực tiễn đời sống thương mại trong nước và quốc tế.
- ✚ Sự ra đời của LTTTM là một bằng chứng hùng hồn chứng minh cho những nỗ lực không ngừng của Chính Phủ Việt Nam trong thời gian qua nhằm rút ngắn khoảng cách giữa pháp luật thương mại Việt Nam với các quốc gia và khu vực khác trên thế giới.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI 2010 – SO SÁNH VỚI PHÁP LỆNH TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI NĂM 2003

1. Giới thiệu chung

LTTTM có 13 chương và 82 điều. Cụ thể như sau:

- Chương I: Những quy định chung, gồm 15 Điều;
- Chương II: Thỏa Thuận Trọng Tài, gồm 4 Điều;
- Chương III: Trọng tài viên, gồm 3 Điều;
- Chương IV: Trung tâm Trọng tài, gồm 7 Điều;
- Chương V: Khởi kiện, thụ lý tranh chấp, gồm 9 Điều;
- Chương VI: Hội Đồng Trọng Tài, gồm 9 Điều;
- Chương VII: Biện pháp khẩn cấp tạm thời, gồm 6 Điều;
- Chương VIII: Phiên họp giải quyết tranh chấp, gồm 6 Điều;
- Chương IX: Phán quyết Trọng tài, gồm 5 Điều;
- Chương X: Thi hành phán quyết Trọng tài, gồm 3 Điều;
- Chương XI: Hủy phán quyết Trọng tài, gồm 5 Điều;
- Chương XII: Tổ chức và hoạt động của Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, gồm 7 Điều; và
- Chương XIII: Điều khoản thi hành, gồm 3 Điều.

2. Các vấn đề pháp lý cơ bản

2.1 Thẩm quyền của Trọng tài

Trong phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, việc xác định một cách cụ thể phạm vi thẩm quyền của Trọng tài có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn. Phạm vi các tranh chấp có thể được giải quyết bởi Trọng tài được xác định hợp lý sẽ tạo điều kiện thuận lợi để giúp giải quyết tranh chấp một cách nhanh chóng, hiệu quả hơn, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên một cách tốt hơn. Mặt khác, xác định phạm vi thẩm quyền phù hợp cũng sẽ giúp phát huy tối đa các lợi thế của phương thức trọng tài trong giải quyết tranh chấp, góp phần cùng các phương thức khác tạo nên một hệ thống giải quyết tranh chấp đa dạng, linh hoạt, hiệu quả và chặt chẽ, từ đó góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý nói chung cho các hoạt động thương mại trong nước và quốc tế.

Một trong những điểm hạn chế của PLTTTM là việc xác định phạm vi thẩm quyền của Trọng tài quá hẹp và không rõ ràng¹³. Điều này gây không ít khó khăn cho quá trình hoạt động của Trọng tài thương mại Việt Nam trên thực tế cũng như tạo ra một khoảng cách không đáng có giữa pháp luật Trọng tài Việt Nam với thông lệ và pháp luật Trọng tài thương mại

¹³ Xem mục 1.2(b).

của các nước và thế giới. Nhằm khắc phục nhược điểm này, LTTTM đã xác định phạm vi thẩm quyền của Trọng tài rộng hơn và hợp lý hơn. Theo đó, Trọng Tài Thương mại sẽ được cho phép giải quyết đối với tất cả các tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực thương mại, bao gồm:

- (i) Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại;
- (ii) Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại;
- (iii) Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng trọng tài.¹⁴

Ở trường hợp (i), phạm vi các tranh chấp có thể được giải quyết bằng Trọng tài được xác định dựa vào chính bản chất “thương mại” của tranh chấp. LTTTM quy định cho phép Trọng tài có thể thụ lý và giải quyết các tranh chấp phát sinh từ “hoạt động thương mại”. Khác với PLTTM, khái niệm “hoạt động thương mại” trong LTTTM phải được hiểu thống nhất với Luật Thương mại năm 2005, theo đó, “*hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lời khác*”¹⁵. Như vậy, để xác định một hoạt động cụ thể nào đó có phải là “hoạt động thương mại” hay không, chúng ta sẽ căn cứ vào bản chất và mục đích của hoạt động đó hơn là xem xét hình thức biểu hiện bên ngoài của nó. Không thể phủ nhận rằng quy định của LTTTM đã mở rộng phạm vi các tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Trọng tài. Tuy nhiên, sự mở rộng như thế về mặt thực tế vẫn chưa đúng mức. Bởi vì, ngoài những tranh chấp phát sinh “**từ**” các hoạt động thương mại, trong thực tiễn cũng có không ít các tranh chấp phát sinh “**liên quan**” đến các hoạt động thương mại, vậy theo LTTTM, những tranh chấp này có thuộc thẩm quyền giải quyết của Trọng tài hay không?

Theo trường hợp (ii), LTTTM đã đưa ra một tiêu chí khác để xác định phạm vi tranh chấp

thuộc thẩm quyền giải quyết của Trọng tài, đó là dấu hiệu liên quan đến yếu tố chủ thể của tranh chấp. Nếu như trong PLTTM, các bên chủ thể của các tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài phải là “tổ chức, cá nhân kinh doanh”¹⁶ thì trong LTTTM, chỉ cần một bên chủ thể thỏa mãn dấu hiệu “có hoạt động thương mại” là đủ. Trong trường hợp này, việc chủ thể “có hoạt động thương mại” có đăng ký kinh doanh hay không không phải là tiêu chí quan trọng để xem xét. Như vậy, với quy định này, ngoài các tranh chấp thương mại thông thường, pháp luật đã trao cho Trọng tài thẩm quyền giải quyết đối với cả những tranh chấp phát sinh liên quan đến các chủ thể là các cơ quan tổ chức do Nhà nước thành lập như các cơ sở nghiên cứu, trường học, tổ chức báo chí truyền thông mặc dù không có kinh doanh nhưng vẫn tham gia nhiều vào các giao dịch mang tính chất thương mại và có lựa chọn Trọng tài để giải quyết tranh chấp.

Ở trường hợp (iii), phạm vi tranh chấp được xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Trọng tài tiếp tục được mở rộng đến những “tranh chấp khác” ngoài các tranh chấp được xác định ở trường hợp (i) và (ii). Khái niệm “tranh chấp khác” ở đây có thể được hiểu là những tranh chấp phát sinh từ các quan hệ pháp luật chuyên ngành được điều chỉnh riêng biệt trong các văn bản pháp luật cụ thể như Luật Các Công Cụ Chuyển Nhượng, Luật Chứng Khoán, Luật Xây Dựng, Luật Hàng Hải, Luật Đầu Tư...

Như vậy, có thể thấy rằng LTTTM đã mở rộng phạm vi thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Trọng tài. Tuy nhiên, so với thực tiễn xã hội phức tạp về các vấn đề nảy sinh tranh chấp thì thẩm quyền của Trọng Tài vẫn còn bị hạn chế. Trọng tài chưa được trao thẩm quyền để giải quyết các tranh chấp phát sinh liên quan đến bất động sản, các tranh chấp phát sinh từ nghĩa vụ hợp đồng hoặc ngoài hợp đồng giữa các chủ thể dân sự, hôn nhân gia đình, thừa kế, phá sản, lao động...

Ngoài ra, về nguyên tắc xác định thẩm quyền xem xét thẩm quyền của Trọng tài, một câu hỏi quan trọng đặt ra là “Cơ quan nào có thẩm

¹⁴ Điều 2 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

¹⁵ Điều 3.1 – Luật Thương Mại 2005.

¹⁶ Điều 2.3 – Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.
Xem thêm Mục 1.2(b).

quyền quyết định rằng Trọng tài có thẩm quyền giải quyết đối với một tranh chấp cụ thể nào đó hay không?”. Để trả lời cho câu hỏi này, cả PLTTM và LTTM đều thống nhất ghi nhận nguyên tắc “thẩm quyền của thẩm quyền” (*competence of competence*), theo đó, chính bản thân Hội Đồng Trọng Tài sẽ có thẩm quyền xem xét thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Trọng tài thông qua việc đánh giá hiệu lực của Thỏa Thuận Trọng Tài cũng như các quy định của pháp luật có liên quan¹⁷. Trong trường hợp một hoặc các bên không đồng ý với quyết định về thẩm quyền Trọng tài của Hội Đồng Trọng Tài, một hoặc các bên đó có quyền yêu cầu Tòa án xem xét lại thẩm quyền của Trọng tài¹⁸. Tuy nhiên, cả PLTTM và LTTM đều không ghi nhận trường hợp khi Hội Đồng Trọng Tài chưa được thành lập hoặc thành lập không hợp lệ, thẩm quyền xem xét thẩm quyền Trọng tài sẽ được xác định như thế nào đối với Trọng tài quy chế và đối với Trọng tài vụ việc?

2.2 Thỏa thuận Trọng tài

Với tư cách là cơ quan tài phán “tư”, thẩm quyền giải quyết của Trọng tài chỉ phát sinh trên thực tế đối với một tranh chấp cụ thể khi các bên chủ thể của tranh chấp đã thể hiện một cách rõ ràng và trực tiếp sự thống nhất ý chí trong việc lựa chọn phương thức trọng tài. Sự thống nhất ý chí đó được thể hiện dưới hình thức pháp lý bắt buộc là Thỏa Thuận Trọng Tài. Khác với tố tụng Tòa án, tố tụng Trọng tài chỉ được tiến hành khi có Thỏa Thuận Trọng Tài được xác lập có hiệu lực giữa các bên tranh chấp. Cần khẳng định rằng, không có Thỏa Thuận Trọng Tài thì không có tố tụng Trọng tài. Thỏa Thuận Trọng Tài có thể được xác lập trước khi xảy ra tranh chấp hoặc sau khi tranh chấp đã phát sinh, có thể tồn tại độc lập với tư cách là một thỏa thuận riêng biệt hoặc tồn tại như là một điều khoản trong hợp đồng (Điều khoản Trọng tài).

Kế thừa PLTTM, phù hợp với thông lệ và pháp luật về Trọng tài của các nước và thế giới, LTTM đã khẳng định hình thức bắt buộc

của Thỏa Thuận Trọng Tài là hình thức văn bản. Khái niệm “văn bản” ở đây phải được hiểu một cách thống nhất với cách hiểu của các văn bản pháp luật khác có liên quan, theo đó, hình thức văn bản của Thỏa Thuận Trọng Tài có thể tồn tại dưới các dạng văn bản cụ thể sau:

- (i) Thỏa thuận được xác lập qua trao đổi giữa các bên bằng telegram, fax, telex, thư điện tử và các hình thức khác theo quy định của pháp luật;
- (ii) Thỏa thuận được xác lập thông qua trao đổi thông tin bằng văn bản giữa các bên;
- (iii) Thỏa thuận được luật sư, công chứng viên hoặc tổ chức có thẩm quyền ghi chép lại bằng văn bản theo yêu cầu của các bên;
- (iv) Trong giao dịch các bên có dẫn chiếu đến một văn bản có thể hiện Thỏa Thuận Trọng Tài như hợp đồng, chứng từ, điều lệ công ty và những tài liệu tương tự khác;
- (v) Qua trao đổi về đơn kiện và bản tự bảo vệ mà trong đó thể hiện sự tồn tại của thỏa thuận do một bên đưa ra và bên kia không phủ nhận.¹⁹

Cần lưu ý rằng, hình thức của Thỏa Thuận Trọng Tài không phải là yếu tố duy nhất quyết định hiệu lực của Thỏa Thuận Trọng Tài. Bên cạnh yêu cầu về mặt hình thức, một Thỏa Thuận Trọng Tài sẽ được coi là có hiệu lực nếu không thuộc các trường hợp sau đây:

- (i) Tranh chấp phát sinh trong các lĩnh vực không thuộc thẩm quyền của Trọng tài quy định tại Điều 2 của LTTM.
- (ii) Người xác lập Thỏa Thuận Trọng Tài không có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- (iii) Người xác lập Thỏa Thuận Trọng Tài không có năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ Luật Dân Sự năm 2005.

¹⁷ Điều 30.1 – Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.
Điều 43.1 và 43.2 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

¹⁸ Điều 30.2 – Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.
Điều 44.1 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

¹⁹ Điều 16 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

Những điểm đổi mới quan trọng so với Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại 2003

- (iv) Một trong các bên bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép trong quá trình xác lập Thỏa Thuận Trọng Tài và có yêu cầu tuyên bố Thỏa Thuận Trọng Tài đó là vô hiệu.
- (v) Thỏa Thuận Trọng Tài vi phạm điều cấm của pháp luật.²⁰

Từ quy định này có thể rút ra các điều kiện đảm bảo hiệu lực cho một Thỏa Thuận Trọng Tài như sau:

- (i) Điều kiện về hình thức: Thỏa Thuận Trọng Tài phải được lập thành văn bản phù hợp với quy định tại Điều 16 của LTTTM;
- (ii) Điều kiện về chủ thể: chủ thể ký kết Thỏa Thuận Trọng Tài phải thỏa mãn các yêu cầu:
 - Có thẩm quyền ký kết Thỏa thuận theo quy định của pháp luật, thường là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đại diện được ủy quyền một cách trực tiếp; và
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật dân sự.
- (iii) Điều kiện về nội dung: Các tranh chấp được các bên ghi nhận trong Thỏa Thuận Trọng Tài để trao thẩm quyền cho Trọng tài giải quyết phải thuộc phạm vi được xác định bởi Điều 2 của LTTTM; ngoài ra, nội dung của Thỏa Thuận Trọng Tài không được vi phạm các điều cấm của pháp luật Việt Nam hiện hành;
- (iv) Điều kiện về nguyên tắc thiết lập: Thỏa Thuận Trọng Tài phải được xác lập trên cơ sở nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận – một nguyên tắc rất cơ bản của pháp luật dân sự. Trong trường hợp có đủ chứng cứ cho thấy một bên của Thỏa Thuận Trọng Tài bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép... tham gia Thỏa thuận và bên đó có yêu cầu tuyên bố Thỏa Thuận

Trọng Tài vô hiệu thì Thỏa Thuận Trọng Tài đó sẽ có thể bị coi là vô hiệu.

LTTTM cũng tiếp tục ghi nhận và khẳng định nguyên tắc hiệu lực độc lập của Thỏa Thuận Trọng Tài. Theo đó, “*Thỏa Thuận Trọng Tài hoàn toàn độc lập với hợp đồng. Việc thay đổi, gia hạn, hủy bỏ hợp đồng, hợp đồng vô hiệu hoặc không thể thực hiện được không làm mất hiệu lực của Thỏa Thuận Trọng Tài*”.²¹

Ngoài ra, LTTTM đã có một bước tiến bộ đáng kể khi ghi nhận nguyên tắc bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong việc xác lập Thỏa Thuận Trọng Tài. Theo đó:

“*Đối với các tranh chấp giữa nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ và người tiêu dùng, mặc dù điều khoản Trọng tài đã được ghi nhận trong các điều kiện chung về cung cấp hàng hóa, dịch vụ do nhà cung cấp soạn sẵn Thỏa Thuận Trọng Tài thì người tiêu dùng vẫn được quyền lựa chọn Trọng tài hoặc Tòa án để giải quyết tranh chấp. Nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ chỉ được quyền khởi kiện tại Trọng tài nếu được người tiêu dùng chấp thuận*”.²²

Thực tiễn pháp lý hiện nay cho thấy đối với các tranh chấp giữa doanh nghiệp và người tiêu dùng, thông thường điều khoản Trọng tài thường được ghi nhận trong các điều kiện chung về cung cấp hàng hóa, dịch vụ do nhà sản xuất/cung cấp soạn sẵn, và khi đó người tiêu dùng luôn bị đặt ở một vị thế có nhiều nguy cơ bị thiệt thòi bởi các điều kiện và điều khoản trong hợp đồng in sẵn của người bán hàng hoặc người cung cấp dịch vụ. Trong trường hợp người tiêu dùng hài lòng và chấp thuận điều khoản Trọng tài đó, thì tranh chấp sẽ được giải quyết bằng Trọng tài như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng in sẵn. Tuy nhiên, có những trường hợp người tiêu dùng hài lòng với điều khoản Trọng tài hoặc “chấp nhận” điều khoản Trọng tài được ghi nhận trong các hợp đồng hoặc điều khoản chung thì điều đó cũng không có nghĩa là người tiêu dùng chấp nhận một cách chính thức việc giải quyết tranh chấp bằng phương thức trọng tài. Người tiêu dùng trong trường hợp này vẫn có quyền lựa chọn giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài như Thỏa Thuận Trọng Tài hoặc đưa

²⁰ Điều 18 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

²¹ Điều 19 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

²² Điều 17 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

2.3 Hình thức Trọng tài

Theo truyền thống cũng như thông lệ trọng tài trên thế giới, phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài được thực hiện thông qua hai hình thức: Trọng tài quy chế là hình thức trọng tài được tiến hành tại Trung tâm Trọng tài và theo quy tắc tố tụng của Trung tâm Trọng tài và Trọng tài vụ việc (Trọng tài Ad Hoc) là hình thức Trọng tài do các bên tự lựa chọn thành lập theo từng vụ việc cụ thể.

Trước đây, PLTTTM sử dụng thuật ngữ “Hội Đồng Trọng Tài” cho cả hình thức Trọng tài được thành lập tại Trung tâm Trọng tài và do các bên thành lập. Việc này dẫn đến sự nhầm lẫn và khó phân biệt giữa hai hình thức Trọng tài.

Nhằm ngăn ngừa và khắc phục vấn đề này, LTTTM đã phân biệt hai hình thức Trọng tài nêu trên rõ ràng hơn. Cụ thể, thuật ngữ “Hội Đồng Trọng Tài vụ việc” được sử dụng một cách chính thức trong LTTTM để phân biệt với Hội Đồng Trọng Tài được thành lập tại Trung tâm Trọng tài. Đồng thời, LTTTM cũng đã đưa ra một số quy định dành riêng cho Trọng tài vụ việc²³.

2.4 Trình tự, thủ tục tố tụng Trọng tài

2.4.1 Khởi kiện, kiện lại

(a) Khởi kiện

Quá trình tố tụng Trọng tài được bắt đầu bằng một đơn kiện của Nguyên đơn. Cùng với đơn kiện, Nguyên đơn có nghĩa vụ phải chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan đến nội dung vụ kiện, trong đó Thỏa Thuận Trọng Tài là cơ sở pháp lý bắt buộc và quan trọng nhất trong tất cả các vụ kiện đưa ra trước Trọng tài. Thời điểm bắt đầu của tố tụng Trọng tài được xác định trước hết theo sự thỏa thuận của các bên, hoặc nếu không có sự thỏa thuận, thì xác định theo thời điểm đơn khởi kiện của Nguyên đơn được nhận bởi Trung tâm Trọng tài (đối với Trọng tài quy chế) hoặc Bị đơn (đối với Trọng tài vụ việc).

²³ Điều 41 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

Nội dung đơn kiện nhìn chung được quy định gần giống nhau giữa PLTTTM và LTTTM, bao gồm:

- ✚ Ngày, tháng, năm làm đơn khởi kiện;
- ✚ Tên, địa chỉ của các bên; tên, địa chỉ của người làm chứng, nếu có;
- ✚ Tóm tắt nội dung vụ tranh chấp;
- ✚ Cơ sở và chứng cứ khởi kiện, nếu có;
- ✚ Các yêu cầu cụ thể của Nguyên đơn và giá trị vụ tranh chấp;
- ✚ Tên, địa chỉ người được Nguyên đơn chọn làm Trọng tài viên hoặc đề nghị chỉ định Trọng tài viên.²⁴

Tuy nhiên, nếu so sánh một cách chi tiết thì LTTTM đã có những bổ sung, sửa đổi hợp lý như sau:

- Thứ nhất, theo LTTTM thì đơn kiện có thể được gửi cho Trung tâm Trọng tài nếu các bên lựa chọn Trọng tài quy chế để giải quyết tranh chấp hoặc gửi cho Bị đơn trong trường hợp các bên sử dụng Trọng tài vụ việc. Trong khi đó, PLTTTM chỉ quy định yêu cầu Nguyên đơn phải gửi đơn kiện cho Trung tâm Trọng tài.²⁵
- Thứ hai, có vẻ như LTTTM yêu cầu Nguyên đơn chuẩn Bị đơn khởi kiện một cách chi tiết, cụ thể hơn với những nội dung mà trước đây PLTTTM không quy định như thông tin về người làm chứng, cơ sở và chứng cứ khởi kiện, đề nghị chỉ định Trọng tài viên...

Trong trường hợp đơn khởi kiện được gửi đến Trung tâm Trọng tài, nếu các bên không có thỏa thuận khác hoặc quy tắc tố tụng của Trung tâm không có quy định khác, Trung tâm Trọng tài phải chuyển bộ bản sao của đơn kiện

²⁴ Điều 30.2 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

Điều 20.1 – Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.

²⁵ Điều 30.1 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

Điều 20.1 – Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.

cùng các giấy tờ, tài liệu liên quan đến vụ kiện cho Bị đơn trong thời hạn 10 ngày.²⁶ Thời hạn này được kéo dài hơn so với quy định của PLTTTM (thời hạn là 5 ngày làm việc).²⁷

Về thời hiệu khởi kiện, cả PLTTTM và LTTTM đều quy định thời hiệu khởi kiện đối với các tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài là 2 năm. Tuy nhiên, cách thức xác định thời hiệu lại có khác biệt giữa hai văn bản. Cụ thể, theo PLTTTM Trọng tài Thương mại, thời hiệu khởi kiện được xác định như sau, nếu pháp luật có quy định thời hiệu khởi kiện thì theo quy định đó, và nếu pháp luật không quy định thời hiệu khởi kiện thì được tính là 2 năm kể từ ngày xảy ra tranh chấp, trừ trường hợp bất khả kháng. Trong khi đó, LTTTM quy định đơn giản hơn, trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác, thời hiệu khởi kiện theo thủ tục Trọng tài là 2 năm kể thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm mà không lưu ý đến trường hợp bất khả kháng.

Như vậy, ở vấn đề thời hiệu khởi kiện này, rõ ràng là LTTTM đã có một bước cải tiến lùi là bỏ qua trường hợp bất khả kháng so với PLTTTM, đồng thời đã không giải quyết được vướng mắc đặt ra khi áp dụng PLTTTM²⁸ cũng như chưa bám sát các quy định pháp luật hiện hành khác cho phù hợp như vấn đề bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện được quy định tại Bộ Luật Dân Sự.

(b) Kiện lại

Theo quy định của LTTTM, sau khi nhận được đơn kiện của Nguyên đơn, trong thời hạn 30 ngày nếu các bên không có thỏa thuận khác, Bị đơn phải gửi bản tự bảo vệ cho Trung tâm Trọng tài (đối với Trọng tài quy chế) hoặc Nguyên đơn và Trọng tài viên (đối với Trọng tài vụ việc).

LTTTM cũng ghi nhận quyền kiện lại của Bị đơn đối với Nguyên đơn về những vấn đề liên quan đến nội dung tranh chấp²⁹. Đơn kiện lại được nộp cùng thời điểm với bản tự bảo vệ của Bị đơn³⁰. Và trong thời hạn 30 ngày kể từ

ngày nhận được đơn kiện lại, Nguyên đơn có nghĩa vụ phải gửi bản tự bảo vệ cho Trung tâm Trọng tài (đối với Trọng tài quy chế) hoặc cho Bị đơn và (các) Trọng tài viên (đối với Trọng tài vụ việc).

2.4.2 Thành lập Hội đồng Trọng tài

(a) Trọng tài viên

PLTTTM đưa ra nhiều điều kiện để một cá nhân có thể trở thành Trọng tài viên nhưng quan trọng nhất là 3 tiêu chí: là công dân Việt Nam, có bằng đại học và có 5 năm kinh nghiệm công tác³¹. Trong đó, tiêu chí là công dân Việt Nam đã phần nào hạn chế việc phát triển đội ngũ Trọng tài viên có trình độ chuyên môn cao đối với những người có quốc tịch nước ngoài, và những người có uy tín có kinh nghiệm công tác thì vương phải tiêu chí có bằng đại học. Với thực trạng đó, tính đến nay, số Trọng tài viên của 7 Trung tâm Trọng tài được thành lập theo PLTTTM tại Việt Nam chỉ mới đạt được 207 người. Số Trọng tài viên giải quyết từ 6-10 vụ/năm chỉ đạt 18%. Nhiều Trọng tài viên từ khi gia nhập Trung tâm Trọng tài đến nay chưa giải quyết vụ tranh chấp nào.

Kế thừa PLTTTM, LTTTM vẫn có các quy định về tiêu chuẩn tối thiểu đối với Trọng tài viên nhằm hình thành ở Việt Nam một đội ngũ Trọng tài viên nòng cốt có năng lực, có tính chuyên nghiệp, có chuyên môn và uy tín xã hội. Theo đó, cá nhân có năng lực hành vi dân sự, có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế công tác từ 5 năm trở lên có thể là Trọng tài viên³². Bên cạnh những tiêu chuẩn tối thiểu đó, nhằm nâng cao hơn nữa uy tín và tính cạnh tranh của các Trung tâm Trọng tài, LTTTM cho phép các Trung tâm Trọng tài được quy định tiêu chuẩn Trọng tài cao hơn tiêu chuẩn tối thiểu của luật, ví dụ: phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật và chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Trọng tài. Đồng thời, khắc phục hạn chế của PLTTTM, LTTTM không yêu cầu Trọng tài viên phải có quốc tịch Việt Nam. Điều đó có nghĩa là người nước ngoài cũng có thể được chỉ định làm Trọng tài viên ở Việt Nam nếu các bên tranh chấp hoặc tổ chức

²⁶ Điều 32 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

²⁷ Điều 20.5 – Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.

²⁸ Xem Mục 1.2(b).

²⁹ Điều 36.1 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

³⁰ Điều 36.2 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

³¹ Điều 12 – Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.

³² Điều 20 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

(b) Thành phần Hội đồng Trọng tài

Hội Đồng Trọng Tài có nhiệm vụ giải quyết một tranh chấp cụ thể do các bên thống nhất giao cho. Thành phần Hội Đồng Trọng Tài có thể bao gồm một hoặc nhiều Trọng tài viên theo sự thỏa thuận của các bên³³. Nếu các bên không thỏa thuận ấn định số lượng Trọng tài viên thì Hội Đồng Trọng Tài sẽ bao gồm ba Trọng tài viên³⁴.

³³ Điều 39.1 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

³⁴ Điều 39.2 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

(c) Cách thức thành lập Hội đồng Trọng tài

<i>Hội Đồng Trọng Tài tại Trung tâm Trọng tài</i>	<i>Hội Đồng Trọng Tài vụ việc</i>
Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bắt đầu tố tụng Trọng tài, (các) Bị đơn phải (thống nhất) chọn Trọng tài viên cho mình hoặc (thống nhất) yêu cầu Trung tâm Trọng tài chỉ định Trọng tài viên; hoặc nếu không, trong thời hạn 7 ngày tiếp theo, Chủ tịch Trung tâm Trọng tài chỉ định Trọng tài viên cho Bị đơn.	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, Bị đơn phải chọn Trọng tài viên và thông báo cho Nguyên đơn; hoặc nếu không, Nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền chỉ định Trọng tài viên cho Bị đơn.
Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được chọn hay chỉ định, các Trọng tài viên phải thống nhất bầu một Trọng tài viên thứ ba làm Chủ tịch Hội Đồng Trọng Tài; hoặc nếu không, trong thời hạn 7 ngày tiếp theo, Chủ tịch Trung tâm Trọng tài sẽ chỉ định Chủ tịch Hội Đồng Trọng Tài.	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được chọn hay chỉ định, các Trọng tài viên phải thống nhất bầu một Trọng tài viên thứ ba làm Chủ tịch Hội Đồng Trọng Tài; hoặc nếu không, các bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền chỉ định Chủ tịch Hội Đồng Trọng Tài.
Trường hợp các bên thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng một Trọng tài viên duy nhất nhưng không chọn được Trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày, một hoặc các bên có quyền yêu cầu và Chủ tịch Trung tâm Trọng tài sẽ chỉ định Trọng tài viên duy nhất trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.	Trường hợp các bên thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng một Trọng tài viên duy nhất nhưng không chọn được Trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày, các bên có quyền yêu cầu một Trung tâm Trọng tài chỉ định Trọng tài viên duy nhất, hoặc nếu không, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thẩm quyền sẽ chỉ định Trọng tài viên duy nhất.

(d) Thay đổi Trọng tài viên

Sau khi Hội Đồng Trọng Tài được thành lập, Trọng tài viên phải từ chối giải quyết tranh chấp đó hoặc các bên có quyền yêu cầu thay đổi Trọng tài viên trong các trường hợp sau:

- (i) Trọng tài viên là người thân thích hoặc là người đại diện của một bên;
- (ii) Trọng tài viên có lợi ích liên quan trong vụ tranh chấp;
- (iii) Có căn cứ rõ ràng cho thấy Trọng tài viên không vô tư, khách quan;
- (iv) Đã là hòa giải viên, người đại diện, luật sư của bất cứ bên nào trước khi đưa vụ tranh chấp đó ra giải quyết tại Trọng tài, trừ trường hợp được các bên chấp thuận bằng văn bản.³⁵

Đối với Trọng tài quy chế, nếu Hội Đồng

Trọng Tài chưa được thành lập, việc thay đổi Trọng tài viên do Chủ tịch Trung tâm Trọng tài quyết định. Nếu Hội Đồng Trọng Tài đã được thành lập, việc thay đổi Trọng tài viên do các thành viên còn lại của Hội Đồng Trọng Tài quyết định. Trong trường hợp các thành viên còn lại của Hội Đồng Trọng Tài không quyết định được hoặc nếu các Trọng tài viên hay Trọng tài viên duy nhất từ chối giải quyết tranh chấp, Chủ tịch Trung tâm Trọng tài quyết định về việc thay đổi Trọng tài viên³⁶.

Đối với Trọng tài vụ việc, việc thay đổi Trọng tài viên sẽ do các thành viên còn lại của Hội Đồng Trọng Tài quyết định. Trong trường hợp các thành viên còn lại của Hội Đồng Trọng Tài không quyết định được hoặc nếu các Trọng tài viên hay Trọng tài viên duy nhất từ chối giải quyết tranh chấp, thì trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của một hoặc các Trọng tài viên nói trên, của một hoặc các bên tranh chấp, Chánh án Tòa án có thẩm quyền phân công một Thẩm phán quyết định

³⁵ Điều 42.1– Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

³⁶ Điều 42.3 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

về việc thay đổi Trọng tài viên³⁷.

2.4.3 Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

PLTTTM quy định *“Trong quá trình Hội Đồng Trọng Tài giải quyết vụ tranh chấp, nếu quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại hoặc có nguy cơ trực tiếp bị xâm hại thì các bên có quyền làm đơn đến Tòa án cấp tỉnh nơi Hội Đồng Trọng Tài thụ lý vụ tranh chấp yêu cầu áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời...”*³⁸.

Theo quy định trên, nếu muốn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, các bên phải chờ đến khi Hội Đồng Trọng Tài được thành lập. Tuy nhiên, nếu phải chờ đợi như vậy thì trong một số trường hợp, biện pháp này sẽ không còn ý nghĩa gì nữa. Do bản chất của biện pháp khẩn cấp tạm thời mang tính nhanh chóng, khẩn trương, kịp thời, vì vậy biện pháp này phải được áp dụng ngay khi một bên thấy rằng quyền lợi hợp pháp của mình có nguy cơ bị xâm phạm, không nhất thiết phải chờ đợi đến khi khởi kiện hoặc Hội Đồng Trọng Tài được thành lập.

PLTTTM chỉ giới hạn thẩm quyền của Tòa án nơi Hội Đồng Trọng Tài thụ lý vụ tranh chấp mới có quyền ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Điều này có thể gây khó khăn cho cả Tòa án và các bên trong quá trình áp dụng quy định này. Ví dụ, khi các bên khởi kiện ra Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam, theo PLTTTM, nếu muốn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì chỉ được phép làm đơn yêu cầu Tòa Án Nhân Dân Hà Nội ra Lệnh áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Điều này chỉ hợp lý và thuận lợi khi cả hai bên đều có trụ sở tại Hà Nội hoặc đối tượng tài sản nằm ở địa bàn khác nhất là trường hợp tài sản ở nước ngoài mà yêu cầu Tòa Án Nhân Dân Hà Nội ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ không khả thi và không hợp lý.

LTTM đã nâng vị thế của Trọng tài một cách đáng kể thông qua việc cho phép Trọng tài áp dụng một số biện pháp khẩn cấp tạm thời bên cạnh việc được lựa chọn Tòa án áp dụng biện

pháp khẩn cấp tạm thời, điều này giúp cho hoạt động tố tụng của Trọng tài hiệu quả hơn. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời được Hội Đồng Trọng Tài áp dụng bao gồm:

- (i) Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp;
- (ii) Cấm hoặc buộc bất kỳ bên tranh chấp nào thực hiện một hoặc một số hành vi nhất định nhằm ngăn ngừa các hành vi ảnh hưởng đến bất lợi trong quá trình tố tụng Trọng tài;
- (iii) Kê biên tài sản đang tranh chấp;
- (iv) Yêu cầu bảo tồn, cất trữ, bán hoặc định đoạt bất kỳ tài sản nào của một hoặc các bên tranh chấp;
- (v) Yêu cầu tạm thời về việc trả tiền giữa các bên; và
- (vi) Cấm dịch chuyển quyền về tài sản đang tranh chấp³⁹.

Bên cạnh việc cho phép Trọng tài được áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, LTTM cũng ghi nhận một số trường hợp hạn chế liên quan đến việc yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời như:

- (i) Khi yêu cầu tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không bị coi là bác bỏ Thỏa Thuận Trọng Tài hoặc khước từ quyền giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài⁴⁰;
- (ii) Đã yêu cầu tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì Hội Đồng Trọng Tài sẽ từ chối nếu nhận được yêu cầu tương tự⁴¹;
- (iii) Trước khi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bên yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính⁴²; hoặc

³⁷ Điều 42.4 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

³⁸ Điều 33 – Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.

³⁹ Điều 49 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

⁴⁰ Điều 48.2 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

⁴¹ Điều 49.3 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

⁴² Điều 49.4 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

- (iv) Nếu việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật⁴³.

2.4.4 Phiên họp giải quyết tranh chấp

(a) Về địa điểm phiên họp giải quyết tranh chấp

Theo PLTTTM, địa điểm giải quyết tranh chấp do các bên thỏa thuận, nếu không có thỏa thuận thì Hội Đồng Trọng Tài quyết định, nhưng phải bảo đảm thuận tiện cho các bên trong việc giải quyết tranh chấp⁴⁴.

Tuy nhiên thế nào là thuận tiện cho các bên thì PLTTTM không quy định rõ, điều này dễ dẫn đến tình trạng một bên khi thua kiện sẽ viện dẫn ra việc không thuận tiện của mình để xin hủy quyết định Trọng tài; và/hoặc nếu các bên thỏa thuận chọn địa điểm giải quyết tranh chấp là ở nước ngoài thì liệu các Trung tâm, Tổ chức Trọng tài Việt Nam có chấp thuận và đáp ứng không khi mà PLTTTM không giải thích rõ.

LTTTM đã khắc phục những bất cập trên bằng quy định địa điểm Trọng tài có thể là trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam, và trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, Hội Đồng Trọng Tài có thể tiến hành phiên họp tại địa điểm được cho là phù hợp với việc trao đổi ý kiến của các thành viên Hội Đồng Trọng Tài, việc lấy lời khai của người làm chứng, tham vấn ý kiến của các chuyên gia hoặc tiến hành việc giám định hàng hóa, tài sản hoặc tài liệu khác⁴⁵.

(b) Về ngôn ngữ tiến hành phiên họp giải quyết tranh chấp

Theo PLTTTM, các bên có quyền thỏa thuận về sử dụng ngôn ngữ trong tố tụng Trọng tài, nếu không có thỏa thuận thì ngôn ngữ dùng trong tố tụng Trọng tài là tiếng Việt⁴⁶. Tuy nhiên, quy định này chỉ áp dụng đối với trường hợp các tranh chấp có yếu tố nước ngoài. Còn đối

với các tranh chấp không có yếu tố nước ngoài thì PLTTTM không đề cập đến.

LTTTM đã đưa ra một quy định riêng về việc xác định ngôn ngữ được sử dụng trong quá trình Trọng tài. Theo đó, LTTTM đã phân định rõ hơn về ngôn ngữ sử dụng trong từng trường hợp cụ thể như sau: sử dụng tiếng Việt, nếu tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, và sử dụng ngôn ngữ do các bên thỏa thuận hoặc do Hội Đồng Trọng Tài quyết định, nếu tranh chấp có yếu tố nước ngoài⁴⁷.

(c) Về trình tự, thủ tục của phiên họp giải quyết tranh chấp

PLTTTM và LTTTM đều thống nhất ghi nhận nguyên tắc “không công khai” của phiên họp giải quyết tranh chấp⁴⁸. Điều này xuất phát từ đặc điểm mang tính truyền thống của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và hoàn toàn phù hợp với thông lệ và pháp luật Trọng tài các nước và thế giới.

Theo quy định của LTTTM, thành phần tham gia phiên họp giải quyết tranh chấp bao gồm: Hội Đồng Trọng Tài, các bên tranh chấp hoặc người đại diện hợp pháp của các bên, người làm chứng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên (trong trường hợp các bên có yêu cầu) và các chủ thể khác (do Hội Đồng Trọng Tài cho phép dựa trên sự đồng ý của các bên)⁴⁹.

Trong quá trình giải quyết tranh chấp, Hội Đồng Trọng Tài, theo yêu cầu của các bên, phải tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp. Nếu các bên hòa giải thành công thì Hội Đồng Trọng Tài phải lập biên bản hòa giải thành, sau đó ra quyết định công nhận kết quả thỏa thuận của các bên⁵⁰. Khi đó, quá trình giải quyết tranh chấp sẽ kết thúc.

Phiên họp giải quyết tranh chấp có thể bị hoãn trong một thời gian nhất định theo yêu cầu chính đáng của một hoặc các bên và do Hội Đồng Trọng Tài quyết định. Trong quá trình

⁴³ Điều 49.5 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

⁴⁴ Điều 23 – Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.

⁴⁵ Điều 11 và Điều 54.1 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

⁴⁶ Điều 49.7 – Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.

⁴⁷ Điều 10 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

⁴⁸ Điều 55.1 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

Điều 38.3 – Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.

⁴⁹ Điều 55 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

⁵⁰ Điều 58 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

thụ lý và giải quyết tranh chấp, Hội Đồng Trọng Tài hoặc Chủ tịch Trung tâm Trọng tài có quyền ra quyết định đình chỉ việc giải quyết tranh chấp nếu rơi vào một trong các trường hợp được quy định tại Điều 59.1 của LTTTM:

- (i) Nguyên đơn hoặc Bị đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế;
- (ii) Nguyên đơn hoặc Bị đơn là cơ quan, tổ chức đã chấm dứt hoạt động, bị phá sản, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách hoặc chuyển đổi hình thức tổ chức mà không có cơ quan, tổ chức nào tiếp nhận quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đó;
- (iii) Nguyên đơn rút đơn khởi kiện hoặc được coi là đã rút đơn khởi kiện theo quy định tại Điều 56.1 của LTTTM, trừ trường hợp Bị đơn yêu cầu tiếp tục giải quyết tranh chấp;
- (iv) Các bên thỏa thuận chấm dứt việc giải quyết tranh chấp;
- (v) Tòa án đã quyết định vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Trọng Tài, không có Thỏa Thuận Trọng Tài, Thỏa Thuận Trọng Tài vô hiệu hoặc Thỏa Thuận Trọng Tài không thể thực hiện được theo quy định tại Điều 44.6 của LTTTM.⁵¹

2.4.5 Phán quyết Trọng tài

Quá trình giải quyết tranh chấp của Trọng tài, nếu không rơi vào các trường hợp tạm hoãn, đình chỉ hay hòa giải thành, sẽ chỉ được coi là kết thúc khi Hội Đồng Trọng Tài đưa ra được phán quyết cuối cùng. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết tranh chấp, Hội Đồng Trọng Tài cũng có thể ra các quyết định cụ thể khác nhau trong từng giai đoạn của quá trình tố tụng. Vì vậy, cần thiết phải có sự phân định rõ ràng giữa những “quyết định” này để tránh nhầm lẫn.

Điều đáng tiếc là PLTTTM không phân biệt các quyết định Trọng tài trong quá trình tố tụng như quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp

tạm thời, quyết định hoãn phiên họp, quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp với quyết định giải quyết cuối cùng về vụ tranh chấp.

Khắc phục nhược điểm đó, LTTTM đã sử dụng thuật ngữ “phán quyết Trọng tài” để phân biệt rõ với các quyết định của Trọng tài trong quá trình tố tụng. Theo đó, Quyết định Trọng tài được hiểu là những quyết định riêng rẽ và (có thể là) tạm thời của Hội Đồng Trọng Tài trong quá trình giải quyết tranh chấp, còn Phán quyết Trọng tài là quyết định của Hội Đồng Trọng Tài giải quyết toàn bộ nội dung vụ tranh chấp và chấm dứt quá trình tố tụng Trọng tài.⁵² Như vậy, có thể hiểu rằng phán quyết Trọng tài là quyết định cuối cùng về nội dung đơn kiện sau khi Hội Đồng Trọng Tài đã nghiên cứu hồ sơ, thu thập chứng cứ, lấy lời khai nhân chứng, nghe các bên trình bày, các Trọng tài viên hội ý và bỏ phiếu theo nguyên tắc đa số.

Về nguyên tắc, phán quyết Trọng tài có giá trị chung thẩm và được thi hành ngay sau khi tuyên⁵³. Việc thi hành phán quyết Trọng tài trước hết được thực hiện thông qua sự tự nguyện của bên phải thi hành. Trong trường hợp bên phải thi hành không tự nguyện thi hành phán quyết Trọng tài, bên được thi hành có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế thi hành phán quyết Trọng tài theo quy định hiện hành của pháp luật thi hành án dân sự. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, Luật Thi Hành Án Dân Sự đã có hiệu lực từ ngày 1/7/2009 vẫn sử dụng thuật ngữ “quyết định của Trọng tài” sẽ được cho thi hành theo trình tự thủ tục thi hành án dân sự, mà chưa ghi nhận thuật ngữ phán quyết Trọng tài cho phù hợp. Điều này sẽ gây lúng túng cho việc áp dụng pháp luật của cơ quan thi hành án dân sự.

Mặc dù vậy, phán quyết Trọng tài cũng vẫn có thể bị hủy bởi Tòa án có thẩm quyền theo yêu cầu của một hoặc các bên tranh chấp nếu phán quyết đó, hoặc quá trình tố tụng Trọng tài mà từ đó phán quyết được tuyên, thuộc một trong các trường hợp sau đây:

⁵¹ Điều 59.1 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

⁵² Điều 3.9 và 3.10 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

⁵³ Điều 61.5 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

- (i) Không có Thỏa Thuận Trọng Tài hoặc Thỏa Thuận Trọng Tài vô hiệu;
- (ii) Thành phần Hội Đồng Trọng Tài, thủ tục tố tụng Trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc trái với các quy định của Luật này;
- (iii) Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Trọng Tài; trường hợp phán quyết Trọng tài có nội dung không thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Trọng Tài thì nội dung đó bị hủy;
- (iv) Chứng cứ do các bên cung cấp mà Hội Đồng Trọng Tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo; Trọng tài viên nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của một bên tranh chấp làm ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết Trọng tài;
- (v) Phán quyết Trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.⁵⁴

2.4.6 Luật áp dụng để giải quyết tranh chấp

PLTTTM phân biệt việc áp dụng luật để giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài theo hai tiêu chí: nếu tranh chấp giữa các bên Việt Nam thì áp dụng pháp luật Việt Nam, và nếu tranh chấp có yếu tố nước ngoài thì áp dụng pháp luật do các bên lựa chọn⁵⁵. Tuy nhiên, việc lựa chọn và áp dụng pháp luật nước ngoài không được trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Trong trường hợp các bên không lựa chọn pháp luật để giải quyết vụ tranh chấp thì do Hội Đồng Trọng Tài quyết định.

Điểm hạn chế của việc lựa chọn theo tiêu chí như trên là các bên tranh chấp đều là bên Việt Nam nhưng căn cứ xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó theo luật nước ngoài hoặc tài sản tranh chấp ở nước ngoài thì việc Trọng tài áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết có phù hợp hay không. Vấn đề này không được quy định rõ ràng. Thêm vào đó, PLTTTM cũng không quy định rằng thông lệ, tập quán quốc tế có được áp dụng để giải quyết tranh chấp

hay không. Ngoài ra, việc quy định nguyên tắc áp dụng pháp luật như trên không phù hợp và thống nhất với các nguyên tắc áp dụng pháp luật để giải quyết các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam.⁵⁶

LTTM đã khắc phục được hạn chế của PLTTM về áp dụng luật để giải quyết tranh chấp ở những điểm đã nêu trên với quy định như sau:

- (i) Đối với tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, Hội Đồng Trọng Tài áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết tranh chấp.
- (ii) Đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài, Hội Đồng Trọng Tài áp dụng pháp luật do các bên lựa chọn; nếu các bên không có thỏa thuận về luật áp dụng thì Hội Đồng Trọng Tài quyết định áp dụng pháp luật mà Hội Đồng Trọng Tài cho là phù hợp nhất.
- (iii) Trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật do các bên lựa chọn không có quy định cụ thể liên quan đến nội dung tranh chấp thì Hội Đồng Trọng Tài được áp dụng tập quán quốc tế để giải quyết tranh chấp nếu việc áp dụng hoặc hậu quả của việc áp dụng đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Ở đây, sự tiến bộ thể hiện rõ rệt ở chỗ LTTM đã sử dụng các thuật ngữ “tranh chấp không có yếu tố nước ngoài” và “tranh chấp có yếu tố nước ngoài” để làm tiêu chí xác định luật áp dụng cho quá trình giải quyết tranh chấp. Điều này hoàn toàn phù hợp với quy định của Bộ Luật Dân Sự năm 2005⁵⁷. Đối với các tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, việc áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết là đương nhiên và hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc áp dụng pháp luật nói chung. Tuy nhiên, đối với các tranh chấp “có yếu tố nước ngoài” tham gia hay xuất hiện, không phải trong mọi trường hợp các bên chủ thể đều có quyền lựa chọn pháp luật để giải quyết. Chẳng hạn, đối

⁵⁴ Điều 68.2 – Luật Trọng Tài.

⁵⁵ Điều 7 – Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.

⁵⁶ Phần thứ VII – Bộ Luật Dân Sự năm 2005.

⁵⁷ Điều 758 – Bộ Luật Dân Sự năm 2005.

với các tranh chấp liên quan đến bất động sản ở Việt Nam hoặc tranh chấp phát sinh từ các quan hệ mà quan hệ đó được xác lập và thực hiện hoàn toàn trên lãnh thổ Việt Nam thì các bên chủ thể không được phép chọn luật áp dụng, ngay cả Hội Đồng Trọng Tài cũng không có quyền quyết định pháp luật áp dụng một cách chủ quan, mà pháp luật áp dụng phải được xác định dựa trên các nguyên tắc được quy định tại Bộ Luật Dân Sự năm 2005.⁵⁸

Ngoài ra, việc ghi nhận nguyên tắc “áp dụng tập quán quốc tế” để giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài cũng là một bước tiến của LTTTM so với PLTTTM. Quy định này cũng đảm bảo phù hợp với nguyên tắc áp dụng pháp luật được quy định tại Bộ Luật Dân Sự năm 2005⁵⁹ cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, điều đáng tiếc là LTTTM lại không hề đề cập đến việc áp dụng Điều ước quốc tế với tư cách là một nguồn luật để giải quyết tranh chấp cũng như ghi nhận nguyên tắc ưu tiên áp dụng Điều ước quốc tế như PLTTTM đã từng ghi nhận⁶⁰.

3. Mối quan hệ giữa Tòa án và Trọng tài

Một trong những tâm điểm quan trọng nhất của LTTTM là vấn đề xử lý mối quan hệ giữa Trọng tài với Tòa án trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ tranh chấp của các bên. LTTTM đã đưa ra một loạt các quy định mới nhằm xác định mối quan hệ pháp lý quan trọng này.

3.1 Nguyên tắc xác định thẩm quyền của Tòa án đối với hoạt động Trọng tài

Vấn đề quan trọng đầu tiên trong quá trình xử lý mối quan hệ giữa Tòa án và Trọng tài là phải xác định được Tòa án nào có thẩm quyền tác động hay can thiệp vào quá trình hoạt động của Trọng tài.

Nội dung này hầu như không được ghi nhận trong PLTTTM. Đây rõ ràng là một “lỗ hổng” không đáng có trong hệ thống pháp luật về Trọng tài nói chung. Khắc phục nhược điểm đó, LTTTM đã đưa ra một số quy định khá chi tiết để làm cơ sở xác định thẩm quyền của Tòa

án trong mối quan hệ tương tác với Trọng tài. Cụ thể:

- Theo nguyên tắc chung, thẩm quyền đối với các hoạt động hỗ trợ, can thiệp, tác động... đối với Trọng tài được xác định thuộc về Tòa án cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương⁶¹.
- Đối với việc xác định Tòa án cụ thể trong từng vụ việc cụ thể, LTTTM trước hết cho phép các bên của Thỏa Thuận Trọng Tài được quyền lựa chọn Tòa án.⁶² Trong trường hợp các bên không có thỏa thuận lựa chọn thì thẩm quyền của Tòa án được xác định một cách phù hợp tương ứng với từng vấn đề cụ thể đặt ra trong quá trình Trọng tài⁶³.

Vấn đề cần làm rõ ở đây là “quyền lựa chọn Tòa án” của các bên phải được hiểu như thế nào cho đúng. Theo các nguyên tắc xác định thẩm quyền của Tòa án được ghi nhận trong Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2004⁶⁴, nguyên tắc về quyền lựa chọn Tòa án của các bên tranh chấp không hề được quy định. Như vậy, đối chiếu giữa quy định của LTTTM và quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chúng ta dễ dàng nhận thấy những điểm không rõ ràng như sau:

- Thứ nhất, theo pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam, thẩm quyền của Tòa án có thể phát sinh trên cơ sở sự thỏa thuận giữa các bên không? Nếu có, việc lựa chọn này có thể được thực hiện như thế nào? Giả sử rằng quy định của LTTTM là hợp lý, vậy thì việc các bên tranh chấp lựa chọn một Tòa án không hề có liên quan gì đến tranh chấp cũng như đến hoạt động Trọng tài (chẳng hạn Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội) để can thiệp và giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động Trọng tài trong quá trình giải quyết một tranh chấp cụ thể diễn ra ở một địa phương khác (ví dụ Thành phố Hồ Chí Minh) liệu có hiệu quả không? Rõ ràng là hiệu quả thực tế của việc can

⁵⁸ Điều 769 – Bộ Luật Dân Sự năm 2005.

⁵⁹ Điều 759 – Bộ Luật Dân Sự năm 2005.

⁶⁰ Điều 8 – Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.

⁶¹ Điều 7.3 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

⁶² Điều 7.1 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

⁶³ Điều 7.2 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

⁶⁴ Chương 3 và Chương 35 – Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự năm 2004.

thiệt của Tòa án trong trường hợp này là khó có thể đạt được một cách tốt nhất.

- Thứ hai, giả sử các bên đã lựa chọn một Tòa án cụ thể để giải quyết một hoặc một số vấn đề phát sinh trong quá trình Trọng tài, nhưng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Tòa án đó lại không có thẩm quyền để giải quyết những vụ việc như thế, vậy thì cuối cùng Tòa án do các bên lựa chọn có thẩm quyền (theo sự lựa chọn của các bên) hay không có thẩm quyền (theo quy định của pháp luật)? Việc trả lời một cách thỏa đáng câu hỏi này sẽ là một thách thức lớn cho cả các Tòa án cũng như Trọng tài trong quá trình áp dụng pháp luật trên thực tế. Tuy nhiên, ở góc độ lý luận chung, chúng ta khó có thể đồng ý với quan điểm lấy ý chí cá nhân (sự thống nhất ý chí của các bên tranh chấp) đặt lên trên quy định của pháp luật.

3.2 Tòa án từ chối thụ lý trong trường hợp có Thỏa Thuận Trọng Tài

Trước hết, cần khẳng định rằng PLTTTM đã ghi nhận một cách chính thức nguyên tắc phân định thẩm quyền giữa Tòa án và Trọng tài, theo đó Tòa án sẽ từ chối thụ lý đối với các tranh chấp mà các bên đã có xác lập Thỏa Thuận Trọng Tài trừ trường hợp Thỏa Thuận Trọng Tài vô hiệu⁶⁵. Tuy nhiên, PLTTTM lại bỏ sót một chế định rất cơ bản đó là vấn đề Thỏa Thuận Trọng Tài “không thực hiện được hoặc không thể thực hiện được”. Đây là vấn đề rất phổ biến trong thương mại quốc tế. Trong thực tế, có rất nhiều điều khoản Trọng tài có hiệu lực theo quy định của pháp luật, phạm vi tranh chấp thuộc thẩm quyền của Trọng tài, người ký Thỏa Thuận Trọng Tài có đủ thẩm quyền, đủ năng lực hành vi, Thỏa Thuận Trọng Tài quy định rõ đối tượng tranh chấp và tổ chức Trọng tài có thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp nhưng vẫn không thể giải quyết được bằng Trọng tài. Ví dụ, có một số điều khoản Trọng tài quy định như sau: “Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này sẽ được giải quyết trước tiên tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam sau đó sẽ được giải quyết chung thẩm tại Tòa án”, hoặc

“Tranh chấp nếu có sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam theo Quy tắc tố tụng Trọng tài của ICC” ...

Xét về hình thức pháp lý, các điều khoản Trọng tài nêu trên hoàn toàn có hiệu lực bởi thỏa mãn các điều kiện theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, những điều khoản Trọng tài này không thể thực hiện được trong thực tế bởi thỏa thuận có sự nhầm lẫn, mâu thuẫn, không phù hợp với nguyên tắc giải quyết tranh chấp của Trọng tài. Vậy khi phát sinh tranh chấp, các điều khoản Trọng tài trên sẽ được giải quyết như thế nào? Nếu các bên đưa ra Trung tâm Trọng tài thì các Trung tâm Trọng tài sẽ từ chối vì có sự xung đột và mâu thuẫn với thủ tục giải quyết tranh chấp của các Trung tâm Trọng tài. Nếu các bên đưa tranh chấp ra Tòa án thì Tòa án cũng từ chối. Và PLTTTM quy định “trong trường hợp vụ tranh chấp đã có Thỏa Thuận Trọng Tài, nếu một bên khởi kiện ra Tòa án thì Tòa án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp Thỏa Thuận Trọng Tài vô hiệu”. Do đó, sẽ có nhiều vụ tranh chấp phát sinh nhưng không được cơ quan nào giải quyết và các bên phải tự gánh chịu các rủi ro.

Khắc phục thiếu sót đó, LTTTM bổ sung nguyên tắc phân định thẩm quyền giữa Tòa án và Trọng tài như sau: “Trong trường hợp các bên tranh chấp đã có Thỏa Thuận Trọng Tài mà một bên khởi kiện tại Tòa án thì Tòa án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp Thỏa Thuận Trọng Tài vô hiệu hoặc Thỏa Thuận Trọng Tài không thể thực hiện được”⁶⁶.

3.3 Vai trò của Tòa án trong việc đăng ký phán quyết Trọng tài vụ việc

Trước đây PLTTTM dùng thuật ngữ Trọng tài do các bên thành lập và không có quy định nào của PLTTTM đề cập đến việc phải đăng ký quyết định của Trọng tài do các bên thành lập trước khi yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành.

LTTTM đã thay đổi thuật ngữ Trọng tài do các bên thành lập thành Trọng tài vụ việc. Trọng tài vụ việc do các bên thành lập từ việc lựa chọn bất kỳ người nào có uy tín, kinh nghiệm và chuyên môn cao mà không thuộc bất kỳ

⁶⁵ Điều 5 – Pháp Lệnh Trọng Tài Thương Mại năm 2003.

⁶⁶ Điều 6 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

một Trung tâm Trọng tài nào. Vì vậy, việc khuyến cáo và cho phép các bên tiến hành đăng ký phán quyết của Trọng tài vụ việc tại Tòa án có thẩm quyền là nhằm hợp thức và chính thức hóa phán quyết của Trọng tài vụ việc, đặc biệt là nhằm tạo điều kiện thuận lợi để thực thi các phán quyết đó.

Cần lưu ý rằng, việc đăng ký phán quyết Trọng tài tại Tòa án có thẩm quyền không phải là yêu cầu bắt buộc đặt ra cho các bên tranh chấp mà hoàn toàn tùy thuộc vào ý chí cá nhân của họ. Bản thân phán quyết Trọng tài vụ việc có giá trị pháp lý chung thẩm và có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên, do vậy việc đăng ký hay không đăng ký phán quyết Trọng tài không ảnh hưởng đến nội dung và giá trị pháp lý của phán quyết Trọng tài đó⁶⁷.

3.4 Thu thập chứng cứ, triệu tập nhân chứng

PLTTTM không xác lập cơ chế hỗ trợ của tòa án đối với Trọng tài trong việc thu thập chứng cứ và triệu tập nhân chứng. Đây là quy định quan trọng trong tố tụng Trọng tài. Quá trình giải quyết tranh chấp không chỉ có các bên, nhiều trường hợp có liên quan đến người thứ ba hoặc bên thứ ba. Trong khi tòa án có thẩm quyền đương nhiên trong việc triệu tập các đối tượng này thì Trọng tài lại không có thẩm quyền. Về vấn đề này, Luật Mẫu UNCITRAL và pháp luật Trọng tài các nước đều có quy định rất rõ Hội Đồng Trọng Tài hoặc một bên được sự đồng ý của Hội Đồng Trọng Tài có thể yêu cầu Tòa án có thẩm quyền trợ giúp thu thập chứng cứ, triệu tập nhân chứng ra có mặt tại Trọng tài. Do không có cơ chế hỗ trợ nêu trên nên các luật sư và doanh nghiệp thường vẫn băn khoăn khi lựa chọn Trọng tài Việt Nam để giải quyết tranh chấp.

LTTTM đã khắc phục tình trạng trên đây bằng quy định rằng nếu Hội Đồng Trọng Tài không thể thu thập được chứng cứ, không triệu tập được người làm chứng thì có thể gửi văn bản đề nghị Tòa án hỗ trợ. Khi đó, thẩm phán được phân công sẽ có văn bản đề yêu cầu cơ quan, tổ chức cá nhân cung cấp chứng cứ đó hoặc triệu tập người làm chứng. Nếu không cung cấp và không có lý do chính đáng thì cơ quan, tổ chức, cá nhân đó sẽ bị xử lý theo quy định

của pháp luật, và người làm chứng phải nghiêm chỉnh chấp hành giấy triệu tập của tòa án, và cũng không có chế tài như dẫn giải người làm chứng nếu họ vẫn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án⁶⁸.

3.5 Vai trò của Tòa án liên quan đến việc hủy phán quyết Trọng tài

Như đã trình bày tại mục 2.4.5, một phán quyết Trọng tài có thể bị hủy bởi Tòa án có thẩm quyền trong một số trường hợp cụ thể nhất định. Điều này được ghi nhận một cách cụ thể và trực tiếp trong PLTTTM và LTTTM. Như vậy có thể thấy rằng, Tòa án có thể tác động một cách trực tiếp vào quá trình hoạt động của Trọng tài. Tuy nhiên, sự tác động này không phải là một sự can thiệp thô bạo vào nội dung của quá trình giải quyết tranh chấp của Trọng tài mà chỉ là những sự hỗ trợ hay giám sát về mặt hình thức tố tụng. Thật vậy, theo quy định của LTTTM, khi xem xét một phán quyết Trọng tài, Tòa án có thẩm quyền sẽ chỉ quan tâm đến các vấn đề liên quan đến trình tự thủ tục tố tụng hay thẩm quyền của Trọng tài mà không xét xử và không được phép xét xử lại nội dung tranh chấp.

Ngoài ra, cần lưu ý rằng sự can thiệp của Tòa án vào hoạt động của Trọng tài trong trường hợp này không phải là sự can thiệp đương nhiên mà phải xuất phát từ yêu cầu của một hoặc các bên tranh chấp.

4. Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

Ngoài những nội dung cơ bản như đã trình bày ở trên, LTTTM còn dành ra một Chương để quy định về tổ chức và hoạt động của Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam. Đây là một nội dung hoàn toàn mới và có thể được coi là một bước tiến quan trọng của pháp luật Trọng tài thương mại Việt Nam trong quá trình hoàn thiện và rút ngắn khoảng cách với pháp luật Trọng tài của các nước và thế giới. Tuy nhiên, ở Chương này, LTTTM chỉ mới đưa ra được những quy định mang tính chất nguyên tắc cơ bản và đặt nền móng ban đầu cho việc ghi

⁶⁷ Điều 62.1 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

⁶⁸ Điều 46, 47 – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

nhận và quản lý hoạt động của Trọng tài nước ngoài ở Việt Nam⁶⁹.

⁶⁹ Chương XII – Luật Trọng Tài Thương Mại năm 2010.

KẾT LUẬN

Nhìn chung, bằng việc ban hành LTTTM, Việt Nam đã có một bước đi phù hợp và đúng hướng trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về Trọng tài thương mại cũng như khuyến khích sự phát triển của hoạt động Trọng tài thương mại ở Việt Nam. Sự ra đời của LTTTM là một thành quả quan trọng của những nỗ lực chung mang tính cộng đồng của Việt Nam trong quá trình xây dựng một khuôn khổ pháp lý phù hợp nhằm điều chỉnh một cách hiệu quả nhất hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại bằng phương thức trọng tài.

So sánh với Pháp Lệnh, LTTTM đã đạt được những thành tựu đáng kể thông qua việc hạn chế, khắc phục những điểm yếu kém, bất cập và lạc hậu, kế thừa và tiếp tục phát huy những quy định phù hợp và tiến bộ của PLTTTM, đồng thời bổ sung và xây dựng các quy định mới một cách khoa học và hợp lý trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc thành tựu lập pháp của pháp luật Trọng tài thương mại các nước và thế giới. Một số điểm đổi mới quan trọng và nổi bật của LTTTM được thể hiện cụ thể qua các quy định về mở rộng phạm vi thẩm quyền của Trọng tài; ghi nhận nguyên tắc bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong việc xác lập Thỏa Thuận Trọng Tài; xác định một cách cụ thể và chính thức các hình thức Trọng tài được sử dụng trong giải quyết tranh chấp; cụ thể hóa và chi tiết hóa trình tự, thủ tục tố tụng Trọng tài phù hợp với bản chất, chức năng và nhiệm vụ của Trọng tài; mở ra khả năng cho phép người nước ngoài có thể trở thành Trọng tài viên; quy định cụ thể và xử lý một cách hiệu quả bước đầu mối liên hệ pháp lý giữa Tòa án và Trọng tài...

Với những điểm tiến bộ nêu trên, có thể nói rằng, đến thời điểm này, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư, các Trung tâm, tổ chức Trọng tài và các chủ thể khác có cơ sở để tin tưởng về một sự phát triển khả quan của Trọng tài thương mại Việt Nam trong tương lai. Tuy nhiên, vẫn còn khá sớm để có thể khẳng định bất cứ điều gì một cách chắc chắn. Hiệu quả và những giá trị thật sự của LTTTM vẫn cần phải được kiểm chứng qua hoạt động áp dụng trong thực tiễn.

MIỄN TRÁCH NHIỆM: Ấn phẩm này chỉ có tính chất thông thường và không được hiểu là nhằm đưa ra sự tư vấn. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về hành vi của bất kỳ bên nào dựa trên nội dung của văn bản này.